

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/HS-ST
Ngày 29-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trú.

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tuấn Hoàng.

Bà Trương Thị Thu Hà.

Bà Đoàn Kim Bình.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/HSST-QĐ ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/HSST- QĐ ngày 29/8/2023 đối với bị cáo:

Lê Thị D, sinh năm 1965 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số A, tổ D, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị B (chết); bị cáo có chồng Nguyễn Văn L (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2021 đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phùng Văn H là Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Thanh H1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, là người bào chữa cho bị cáo Lê Thị D, có mặt.

- Bị hại:

1. Đào Thị Hồng C, sinh năm 1982, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Trần Thị Thanh D1, sinh năm 1974, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Lê Thị L1, sinh năm 1969, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
4. Phạm Phương N1, sinh năm 1976, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
5. Phan Kim T, sinh năm 1975, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu B, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương, có mặt.
6. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp F, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.
7. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1975, nơi cư trú: số A, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
8. Phạm Đức T2, sinh năm 1979, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
9. Nguyễn Thị B1, sinh năm 1972, nơi cư trú: số A khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
10. Huỳnh Anh T3, sinh năm 1991, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
11. Lê Ngọc N2, sinh năm 1989, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
12. Nguyễn Thị N3, sinh năm 1964, địa chỉ: số A, đường Đ, khu A, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương, có mặt.
13. Bùi Thị L2, sinh năm 1954, nơi cư trú: số A, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
14. Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1975, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
15. Phạm Thị P, sinh năm 1967, nơi cư trú: số D, Đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
16. Lê Thị S, sinh năm 1977, nơi cư trú: số B, tổ C, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
17. Nguyễn Thị L3, sinh năm 1957, nơi cư trú: số A, khu B, tổ D, ĐX B, P. P, TP ., Tỉnh Bình Dương, có mặt.
18. Bùi Thị L2, sinh năm 1977, nơi cư trú: số A, Đường N, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
19. Nguyễn Thái P1, sinh năm 1968, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
20. Trần Thị S1, sinh năm 1970, nơi cư trú: số 39/5/7, đường Đ, tổ A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
21. Nguyễn Thùy T4, sinh năm 1973, nơi cư trú: số D khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
22. Đỗ Thị G, sinh năm 1977, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

23. Nguyễn Huệ T5, sinh năm 1974, nơi cư trú: số D, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
24. Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1951, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
25. Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm 1963, nơi cư trú: số C, đường Đ, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
26. Lê Ngọc A1, sinh năm: 1964, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
27. Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1963, nơi cư trú: số E, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
28. Huỳnh Thanh H5, sinh năm 1985, nơi cư trú: số E, đường Đ, khu B, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương, có mặt.
29. Võ Thị L4, sinh năm 1981, nơi cư trú: số F, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
30. Bùi Ngọc P2, sinh năm: 1974, nơi cư trú: số I, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
31. Nguyễn Thị H6, sinh năm 1979, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
32. Nguyễn Thị N4, sinh năm 1948, nơi cư trú: số D Đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
33. Phạm Thị Kim T6, sinh năm 1975, nơi cư trú: số H, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
34. Lê Hữu N5, sinh năm: 1978, nơi cư trú: số H, tổ D, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.
35. Nguyễn Thị Kim L5, sinh năm 1969, nơi cư trú: số D, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
36. Nguyễn Thị Lệ T7, sinh năm 1983, nơi cư trú: số E đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
37. Lê Thị L6, sinh năm: 1964, nơi cư trú: khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
38. Nguyễn Thị M, sinh năm 1954, nơi cư trú: số C đường Đ, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
39. Nguyễn Thị Mỹ L7, sinh năm 1979, nơi cư trú: số D đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
40. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956, nơi cư trú: số C khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
41. Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1981, nơi cư trú: số A khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.
42. Nguyễn Thị Ngọc B2, sinh năm 1965, nơi cư trú: số A khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

43. Ngũ Ngọc Huyền T8, sinh năm 1993, nơi cư trú: số F, đường Đ, tổ D, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

44. Nguyễn Thị N6, sinh năm 1978, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

45. Lưu Thị Huỳnh M1, sinh năm 1974, nơi cư trú: tổ A, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

46. Nguyễn Minh S2, sinh năm 1968, nơi cư trú: số F, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

47. Nguyễn Ngọc P3, sinh năm 1981, nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

48. Nguyễn Thị Thu H7, sinh năm 1969, nơi cư trú: số G, đường Đ, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

49. Phan Thị Phúc H8, sinh năm 1979, nơi cư trú: số E, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

50. Trương Thị H9, sinh năm 1964, nơi cư trú: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

51. Nguyễn Thị Ngọc H10, sinh năm 1986, nơi cư trú: khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

52. Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh năm 1985, nơi cư trú: số I đường D, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

53. Huỳnh Hoa Đ1, sinh năm 1971, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

54. Nguyễn Thị L8, sinh năm 1956, nơi cư trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

55. Huỳnh Kim P4, sinh năm 1976, nơi cư trú: số A đường D, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

56. Nguyễn Trọng N7, sinh năm 1972, nơi cư trú: số A khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

57. Nguyễn Thị Hoàng V, sinh năm 1972, nơi cư trú: số D, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

58. Nguyễn Bích M3, sinh năm 1963, nơi cư trú: số G, đường Đ, tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

59. Võ Thị Mộng T9, sinh năm 1970, nơi cư trú: số C, đường Đ, tổ F, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

60. Nguyễn Thị L9, sinh năm 1966, nơi cư trú: số B, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

61. Nguyễn Thị T10, sinh năm 1964, nơi cư trú: Tổ B, khu F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

62. Nguyễn Thị Thanh T11, sinh năm 1970, nơi cư trú: số F tổ B, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

63. Ngô Thị M4, sinh năm 1966, nơi cư trú: số E H, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
64. Nguyễn Thành T12, sinh năm 1973, nơi cư trú: số C, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
65. Nguyễn Thị Kim D2, sinh năm 1966, nơi cư trú: số G tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
66. Nguyễn Thị T13, sinh năm 1970, nơi cư trú: số A, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
67. Võ Thị Thu T14, sinh năm 1970, nơi cư trú: số A, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
68. Nguyễn Thị Kim P5, sinh năm 1971, nơi cư trú: số A, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
69. Nguyễn Thị Minh P6, sinh năm 1971, nơi cư trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
70. Hoàng Thị Thúy T15, sinh năm 1982, nơi cư trú: số F, khu F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
71. Phan Văn T16, sinh năm 1973, nơi cư trú: số G khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
72. Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1984, nơi cư trú: số D, tổ H, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
73. Từ Thị L3, sinh năm 1954, nơi cư trú: khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
74. Lê Thị Thanh H11, sinh năm 1970, nơi cư trú: số C H, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
75. Nguyễn Thị Thu H12, sinh năm 1983, nơi cư trú: số A đường D, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
76. Danh Thị Kim O, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ G, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
77. Đặng Thị H13, sinh năm 1974, nơi cư trú: số B tổ F, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
78. Nguyễn Thị N8, sinh năm 1951, nơi cư trú: số C đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.
79. Trương Hoàng Đ2, sinh năm 1970, nơi cư trú: số D số C đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
80. Phan Thị T17, sinh năm 1969, nơi cư trú: 82/18 đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
81. Lê Thị H14, sinh năm 1963, nơi cư trú: 78 đường Đ, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.
82. Phạm Thị Thu T18, sinh năm 1993, nơi cư trú: số B đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

83. Nguyễn Thị Hạnh L10, sinh năm: 1964, địa chỉ: khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1971, nơi cư trú: số A, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Nguyễn Thị C2, sinh năm 1975, nơi cư trú: số A, đường Đ, khu E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyễn Thanh H15, sinh năm 1985, nơi cư trú: số A, khu A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Anh Đ3, sinh năm 1975, nơi cư trú: Khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

5. Nguyễn Văn T19, sinh năm 1977, nơi cư trú: khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Đỗ Thị N9, sinh năm 1982, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Văn Hồng P7, sinh năm 1979, nơi cư trú: số E, đường Đ, tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Nguyễn Thị Thủy T20, sinh năm 1975, nơi cư trú: số D, tổ B, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

9. Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1971, nơi cư trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

10. Lê Thị Thu T21, sinh năm 1988, nơi cư trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

11. Tống Thị G1, sinh năm 1983, nơi cư trú: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

12. Nguyễn Ngọc H16, sinh năm 1967, địa chỉ: số C, đường Đ, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

13. Đỗ Văn H17, sinh năm 1968, nơi cư trú: khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

14. Đỗ Thị Kim X, sinh năm 1991, nơi cư trú: số E đường T, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

15. Nguyễn Thị Kim H18, sinh năm: 1981, nơi cư trú: số A đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

16. Lê Thị T22, sinh năm 1967, nơi cư trú: số B, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

17. Huỳnh Thị Thanh L11, sinh năm 1978, nơi cư trú: 22/23 khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

18. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1980, nơi cư trú: 129 đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

19. Đặng Thị H13, sinh năm 1974, nơi cư trú: 220/27 tổ F, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

20. Nguyễn Văn L, nơi cư trú: số A, tổ D, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, Lê Thị D bắt đầu tổ chức chơi hội và làm chủ hội các dây hội trên địa bàn phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và các địa phương lân cận trên địa bàn tỉnh Bình Dương để hưởng tiền hoa hồng. Hình thức hội có lãi, loại hội 500.000 đồng, 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng/kỳ. Khi tham gia các hội viên đóng mỗi kỳ hội 450.000 đồng, 800.000 đồng, 1.500.000 đồng, 2.500.000 đồng và 4.500.000 đồng, việc tổ chức chơi hội được Dẫn lập danh sách tên người tham gia (không ghi đầy đủ họ tên, địa chỉ cụ thể), không có lập hợp đồng dân sự.

Do cần có tiền tiêu xài cá nhân, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên. Với thủ đoạn lợi dụng lòng tin của các hội viên, D tổ chức khoảng 38 dây hội, thực hiện hành vi gian dối tự ý kê khống tên hội viên, lấy tên hội viên tham gia chơi hội để hốt hội hoặc dây hội có hội viên tham gia chơi hội nhưng không có hội viên hốt hội, chiếm đoạt 9.468.110.000 đồng (chín tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng) của 83 bị hại.

Tháng 12/2019, D không còn khả năng thanh toán tiền cho các hội viên nên tuyên bố đình hội, khi đình hội D đã thỏa thuận với một số hội viên sẽ trả tiền lại cho các hội viên nhưng có 34 bị hại gửi đơn tố giác với tổng số tiền chiếm đoạt là 4.542.450.000 đồng (bốn tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), còn lại 49 bị hại không gửi đơn tố giác với tổng số tiền chiếm đoạt là 4.925.660.000 đồng (bốn tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Cụ thể như sau:

- Hành vi chiếm đoạt của 34 bị hại nộp đơn tố giác với tổng số tiền 4.542.450.000 đồng (bốn tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), gồm:

1. Lê Ngọc N2 tham gia dây hội ngày 20/10/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Phan Kim T tham gia dây hội ngày 28/02/2019 đã đóng 15.000.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 26.400.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 13.950.000 đồng, ngày 27/10/2019 đã đóng 4.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 60.150.000 đồng (sáu mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Phạm Phương N1 tham gia dây hội ngày 24/02/2019 đã đóng 65.600.000 đồng, ngày 14/7/2019 đã đóng 16.800.000 đồng, ngày 27/10/2019 đã đóng 4.800.000 đồng. Tổng số tiền đã đóng và bị chiếm đoạt 87.200.000 đồng (tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Nguyễn Huệ T5 tham gia dây hội ngày 05/4/2018 đã đóng 31.500.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 15.000.000 đồng. Tổng đã đóng và bị chiếm đoạt 46.500.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

5. Nguyễn Thị C1 tham gia dây hội ngày 20/6/2018 đã đóng 27.000.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 28.800.000 đồng, ngày 25/9/2019 đã đóng 4.500.000 đồng. Tổng đã đóng và bị chiếm đoạt 60.300.000 đồng (sáu mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

6. Bùi Ngọc P2 tham gia dây hụi ngày 20/6/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

7. Phạm Thị Kim T6 tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng 33.600.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 13.600.000 đồng. Tổng đã đóng và bị chiếm đoạt 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

8. Lê Thị S tham gia dây hụi ngày 21/4/2019 đã đóng 52.800.000 đồng và ngày 05/5/2019 đã đóng 27.900.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 80.700.000 đồng (tám mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

9. Nguyễn Thị T1 tham gia dây hụi ngày 20/06/2018 đã đóng 46.500.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 32.000.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 32.000.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 164.000.000 đồng và ngày 14/07/2019 đã đóng 33.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 308.100.000 đồng (ba trăm lẻ tám triệu một trăm nghìn đồng).

10. Nguyễn Thị L3 tham gia dây hụi ngày 05/04/2018 đã đóng 63.000.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 46.900.000 đồng, ngày 30/5/2018 đã đóng 59.200.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 128.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 297.100.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

11. Võ Thị L4 tham gia dây hụi ngày 10/7/2018 đã đóng 27.200.000 đồng, ngày 25/6/2019 đã đóng 9.600.000 đồng và ngày 10/9/2019 đã đóng 4.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 41.600.000 đồng (bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

12. Nguyễn Ngọc H2 tham gia dây hụi ngày 20/06/2018 đã đóng 27.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 42.500.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 98.400.000 đồng và ngày 21/4/2019 đã đóng 26.400.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 194.300.000 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

13. Bùi Thị L2 (1954) tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

14. Phạm Thị P tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 342.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

15. Huỳnh Anh T3 tham gia dây hụi ngày 25/03/2018 đã đóng 31.500.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 26.400.000 đồng và ngày 05/9/2019 đã đóng 13.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 71.400.000 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

16. Trần Thị Thanh D1 tham gia dây hụi ngày 02/12/2018 đã đóng 81.600.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 42.000.000 đồng và ngày 15/10/2019 đã đóng 9.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 133.200.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

17. Huỳnh Thanh H5 tham gia dây hụi ngày 05/04/2018 đã đóng 94.500.000 đồng, ngày 20/6/2019 đã đóng 18.000.000 đồng và ngày 25/9/2019 đã đóng 13.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

18. Nguyễn Thị Thu H4 tham gia dây hụi ngày 21/4/2018 đã đóng 30.000.000 đồng và ngày 25/10/2019 đã đóng 3.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng).

19. Nguyễn Thùy T4 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 131.200.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 52.800.000 đồng và ngày 27/10/2019 đã đóng 9.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 193.600.000 đồng (một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

20. Nguyễn Thị H6 tham gia dây hụi ngày 28/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

21. Nguyễn Ngọc Á tham gia dây hụi ngày 20/6/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

22. Lê Thị L1 tham gia dây hụi ngày 21/4/2019 đã đóng 52.800.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 6.400.000 đồng, ngày 25/6/2019 đã đóng 9.600.000 đồng, ngày 26/6/2019 đã đóng 18.000.000 đồng, ngày 25/9/2019 đã đóng 4.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 91.300.000 đồng (chín mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

23. Đỗ Thị G tham gia dây hụi ngày 02/12/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 41.600.000 đồng (bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

24. Đào Thị Hồng C tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng 32.000.000 đồng, ngày 02/12/2018 đã đóng 122.400.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 168.000.000 đồng và ngày 27/10/2019 đã đóng 23.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 346.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

25. Nguyễn Thái P1 tham gia dây hụi ngày 25/9/2019 đã đóng 4.500.000 đồng và ngày 24/02/2019 đã đóng 32.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 37.300.000 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

26. Nguyễn Thị N4 tham gia dây hụi ngày 05/4/2018 đã đóng 31.500.000 đồng và ngày 25/9/2019 đã đóng 4.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

27. Nguyễn Thị B1 tham gia dây hụi ngày 10/01/2018 đã đóng 33.000.000 đồng, ngày 05/4/2018 đã đóng 63.000.000 đồng, ngày 20/6/2018 đã đóng 135.000.000 đồng, ngày 20/5/2019 đã đóng 70.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 127.500.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 42.000.000 đồng, 20/6/2019 đã đóng 36.000.000 đồng, ngày 25/9/2019 đã đóng 13.500.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 52.800.000 đồng, ngày 14/7/2019 đã đóng 84.000.000 đồng và ngày 24/02/2019 đã đóng 131.200.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 788.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi tám triệu đồng).

28. Phạm Đức T2 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 100.800.000 đồng (một trăm triệu tám trăm nghìn đồng).

29. Nguyễn Thị Kim H3 tham gia dây hụi ngày 28/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

30. Lê Ngọc Á1 tham gia dây hụi ngày 25/5/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

31. Nguyễn Thị N3 tham gia dây hụi ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000 đồng, ngày 29/9/2019 đã đóng 8.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 29.800.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

32. Lê Hữu N5 tham gia dây hụi ngày 15/3/2018 đã đóng 67.200.000 đồng, ngày 15/01/2019 đã đóng 52.800.000 đồng và ngày 15/10/2019 đã đóng 12.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 132.800.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

33. Bùi Thị L2 (1977) tham gia dây hụi ngày 15/10/2019 đã đóng 9.600.000 đồng, ngày 10/9/2019 đã đóng 13.500.000 đồng, ngày 10/01/2019 đã đóng 66.000.000 đồng, ngày 02/12/2018 đã đóng 124.800.000 đồng và ngày 10/07/2018 đã đóng 85.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 298.900.000 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

34. Trần Thị S1 tham gia dây hụi ngày 20/10/2018 đã đóng 42.000.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 45.200.000 đồng và ngày 15/10/2019 đã đóng 6.400.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 93.600.000 đồng (chín mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- *Hành vi chiếm đoạt của 49 bị hại không nộp đơn tố giác với tổng số tiền 4.925.660.000 đồng (bốn tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).*

1. Hoàng Thị T15 tham gia dây hụi ngày 01/3/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 13.250.000 đồng (mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Hoàng Thị Thúy T15 tham gia dây hụi ngày 20/10/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

3. Huỳnh Hoa Đ1 tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng 96.750.000 đồng, ngày 02/12/2018 đã đóng 39.750.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 136.500.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Nguyễn Thị N6 tham gia dây hụi ngày 30/12/2018 đã đóng 32.250.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 15.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 47.250.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Nguyễn Bích M3 tham gia dây hụi ngày 20/10/2018 đã đóng 42.000.000đ, ngày 28/02/2019 đã đóng 22.500.000 đồng, ngày 15/01/2019 đã đóng 3.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

6. Nguyễn Trọng N7 tham gia dây hụi ngày 10/7/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

7. Phạm Văn T23 tham gia 02 dây hụi (không nhớ rõ ngày, tháng, năm) đã đóng và bị chiếm đoạt 38.800.000 đồng (ba mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

8. Nguyễn Thị Thanh T11 tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng 32.250.000 đồng, ngày 05/5/2018 đã đóng 12.800.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 2.250.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 47.300.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng).

9. Lưu Thị Huỳnh M1 tham gia dây hụi ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 60.000.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 27.000.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 49.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 159.850.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

10. Ngô Thị M4 tham gia dây hụi ngày 28/02/2019 đã đóng 22.500.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 3.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

11. Nguyễn Thanh T24 tham gia dây hụi ngày 30/9/2019 đã đóng 9.000.000 đồng, ngày 30/7/2019 đã đóng 12.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 21.500.000 đồng (hai mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

12. Nguyễn Thị Kim D2 tham gia dây hụi ngày 10/7/2018 đã đóng 60.360.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 67.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 127.860.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

13. Nguyễn Thị L9 tham gia dây hụi ngày 05/4/2018 đã đóng 60.000.000 đồng, ngày 30/5/2018 đã đóng 54.000.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 15.000.000 đồng, ngày 14/7/2019 đã đóng 15.000.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 6.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 171.000.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu đồng).

14. Nguyễn Thị T13 tham gia dây hụi ngày 05/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

15. Võ Thị Thu T14 tham gia dây hụi ngày 10/7/2018 đã đóng 12.750.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 33.750.000 đồng (ba mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

16. Nguyễn Hoàng A tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng 32.250.000 đồng, ngày 05/4/2018 đã đóng 28.500.000 đồng, ngày 15/4/2019 đã đóng 17.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 78.250.000 đồng (bảy mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

17. Võ Thị Mộng T9 tham gia dây hụi ngày 20/6/2018 đã đóng 27.000.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 7.500.000 đồng, ngày 29/9/2019 đã đóng 16.500.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

18. Từ Thị Lanh tham gia 03 dây hụi (không nhớ rõ ngày, tháng, năm) đã đóng và bị chiếm đoạt 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng).

19. Nguyễn Thị Kim P5 tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

20. Nguyễn Thị Kim L5 tham gia dây hụi ngày 28/02/2018 đã đóng 31.500.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 134.400.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 51.200.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 217.100.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu, một trăm nghìn đồng).

21. Nguyễn Thị Minh P6 tham gia dây hụi ngày 05/4/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 59.700.000 đồng (năm mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng).

22. Lê Thị Thanh H11 tham gia dây hụi ngày 14/7/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 16.800.000 đồng (mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).

23. Nguyễn Thị Thu H12 tham gia dây hụi ngày 20/6/2018 đã đóng 54.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 78.200.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000đ, ngày 05/4/2018 đã đóng 90.000.000 đồng, ngày 02/12/2018 đã đóng 84.800.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 100.800.000 đồng, ngày 14/7/2019 đã đóng 176.000.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 38.400.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 16.800.000

đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

24. Danh Thị Kim O tham gia dây hụi ngày 05/4/2018 đã đóng và bị chiếm đoạt 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng).

25. Đặng Thị H13 tham gia dây hụi ngày 25/01/2017 đã đóng 23.800.000 đồng, ngày 20/10/2019 đã đóng 39.000.000 đồng, ngày 20/6/2019 đã đóng 22.500.000 đồng, ngày 05/10/2019 đã đóng 8.200.000 đồng, ngày 25/6/2019 đã đóng 11.250.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 104.750.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

26. Nguyễn Thị N8 tham gia dây hụi ngày 25/6/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

27. Trương Hoàng Đ2 tham gia dây hụi ngày 20/6/2018 đã đóng 63.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 46.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 109.800.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, tám trăm nghìn đồng).

28. Phan Thị T17 tham gia dây hụi ngày 10/7/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 16.800.000 đồng (mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).

29. Lê Thị H14 tham gia dây hụi ngày 14/7/2019 đã đóng 67.200.000 đồng, tháng 10/2019 (không nhớ rõ ngày) đã đóng số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã đóng và bị chiếm đoạt là 73.200.000 đồng (bảy mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

30. Nguyễn Thị Thu T25 tham gia dây hụi ngày 25/6/2019 đã đóng 18.000.000 đồng, ngày 25/5/2019 đã đóng 32.200.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã đóng và bị chiếm đoạt 50.200.000 đồng (năm mươi triệu, hai trăm nghìn đồng).

31. Lê Thị L6 tham gia dây hụi ngày 05/5/2019 đã đóng 51.200.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 65.600.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 60.000.000 đồng, ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000 đồng, ngày 05/10/2019 đã đóng 24.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 222.400.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

32. Nguyễn Thị M tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 67.200.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 26.400.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 42.000.000 đồng, ngày 28/02/2018 đã đóng 63.000.000 đồng ngày 20/10/2018 đã đóng 21.000.000 đồng, ngày 15/10/2019 đã đóng 12.000.000đ. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 231.600.000 đồng (hai trăm ba mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

33. Nguyễn Thị Mỹ L7 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 33.600.000 đồng, ngày 07/7/2019 đã đóng 18.400.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng).

34. Nguyễn Thị Ngọc Y tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 32.000.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 30.400.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 62.400.000 đồng (sáu mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

35. Nguyễn Ngọc P3 tham gia dây hụi ngày 10/01/2018 đã đóng 34.500.000 đồng, ngày 02/12/2018 đã đóng 127.200.000 đồng, ngày 24/02/2019 đã đóng 65.600.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 227.300.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng).

36. Nguyễn Thị Thu H7 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 5.600.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 7.500.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 12.400.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 85.500.000 đồng (tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

37. Phan Thị Phúc H8 tham gia dây hụi ngày 21/4/2019 đã đóng 81.600.000 đồng, ngày 20/6/2019 đã đóng 19.200.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 100.800.000 đồng (một trăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

38. Nguyễn Thị Ngọc M2 tham gia dây hụi ngày 05/4/2018 đã đóng 30.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 42.000.000 đồng, ngày 20/6/2018 đã đóng 27.000.000 đồng, ngày 21/4/2019 đã đóng 27.200.000 đồng, ngày 14/7/2019 đã đóng 35.200.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 161.400.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

39. Nguyễn Thị L10 tham gia dây hụi ngày 05/4/2018 đã đóng 120.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 85.000.000 đồng, ngày 01/12/2018 đã đóng 127.200.000 đồng, ngày 14/7/2019 đã đóng 105.600.000 đồng, ngày 20/5/2019 đã đóng 33.600.000 đồng, ngày 05/10/2019 đã đóng 28.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 500.200.000 đồng (năm trăm triệu, hai trăm nghìn đồng).

40. Huỳnh Kim P4 tham gia dây hụi ngày 10/7/2018 đã đóng 77.350.000 đồng, ngày 25/6/2019 đã đóng 9.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 86.350.000 đồng (tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

41. Lê Thị Hoàng V1 tham gia dây hụi ngày 20/6/2018 đã đóng 54.000.000 đồng, ngày 10/7/2018 đã đóng 45.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng).

42. Nguyễn Thị Lê T7 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

43. Nguyễn Thị Đ tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 100.800.000 đồng (một trăm triệu, tám trăm nghìn đồng).

44. Nguyễn Thị Ngọc B2 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 32.800.000 đồng (ba mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng).

45. Ngũ Ngọc Huyền T8 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 65.600.000 đồng (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

46. Nguyễn Minh S2 tham gia dây hụi ngày 24/02/2019 đã đóng 134.400.000 đồng, ngày 05/5/2019 đã đóng 12.800.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 147.200.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

47. Trương Thị H9 tham gia dây hụi ngày 21/4/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

48. Nguyễn Thị Ngọc H10 tham gia dây hụi ngày 21/4/2019 đã đóng và bị chiếm đoạt 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

49. Nguyễn Thị Hạnh L10 tham gia dây hụi ngày 20/10/2018 đã đóng 28.000.000 đồng, ngày 28/02/2019 đã đóng 36.250.000 đồng. Tổng cộng đã đóng và bị chiếm đoạt 64.250.000 đồng (sáu mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 514/PC09 ngày 18/12/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: Chữ viết tại các trang được đánh số từ 01 đến 35 trong cuốn sổ bì màu đen hiệu “Acsed CK9” (sổ ghi chép các dây hụi) do Lê Thị D viết ra.

Cáo trạng số: 110/CT-VKS.P1, ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố Lê Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, mặc dù bị cáo và một số bị hại xác định lại số tiền chiếm đoạt nhưng trong quá trình điều tra đã có căn cứ xác định về tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị D và xác định về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội hai lần trở lên; về tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã đồng ý cho kê biên một phần tài sản để đảm bảo thi hành án, một số bị hại xin giảm hình phạt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 14 năm đến 16 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải trả số tiền chiếm đoạt cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên về số tiền thực tế thì một số bị hại khai không đúng như cáo trạng truy tố nêu, số còn lại là đúng. Cụ thể số người không đúng gồm: Phan Kim T26 là 58.600.000 đồng, Nguyễn Thị C1 là 56.700.000 đồng, Phạm Thị Kim T6 là 41.200.000 đồng, Nguyễn Thị T25 là 213.000.000 đồng, Phạm Thị P là 336.000.000 đồng, Trần Thị Thanh D1 là 127.680.000 đồng, Đào Thị Hồng C3 là 344.300.000 đồng, Nguyễn Thị N4 là 33.600.000 đồng, Nguyễn Thị B1 là 759.200.000 đồng, Nguyễn Thị Kim H3 là 28.500.000 đồng, Lê Ngọc Á1 là 31.500.000 đồng, Lê Hữa N10 là 124.500.000 đồng, Bùi Thị L2 là 288.300.000 đồng, Trần Thị S1 là 92.250.000 đồng, Huỳnh Hoa Đ1 là 119.800.000 đồng, Nguyễn Hoàng A là 48.250.000 đồng, Nguyễn Thị Kim L12 là 180.800.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H12 là 568.500.000 đồng, Trương Hoàng Đ2 94.000.000 đồng, Nguyễn Thị M là 211.300.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ L7 là 49.600.000 đồng, Nguyễn Ngọc P3 là 225.000.000 đồng, Nguyễn Minh S2 là 143.600.000 đồng. Riêng số tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc M2 yêu cầu, bị cáo không đồng ý vì bị cáo không ghi hụi cho bà M2 mà do chị bà M2 là Nguyễn Thị Thu H12 nên số tiền này đã nhập qua số tiền bị cáo chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thu H12. Đối với một số bị hại vắng mặt, bị cáo thống nhất về số tiền bị cáo chiếm đoạt của họ như cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến gì. Bị cáo đồng ý sẽ bán nhà trả lại cho các bị hại.

Lời nói sau cùng bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi bị hại, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để có điều kiện làm lại cuộc đời.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Phùng Văn H trình bày lời bào chữa: Người bào chữa thống nhất về tội danh, khung hình phạt, về tình tiết giảm nhẹ mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo D. Tuy nhiên về xác định tư cách tố tụng của 49 người không có đơn tố giác là bị hại là không đúng. Mặt khác tại phiên tòa, bị cáo và một số bị hại đã xác định lại số tiền thực tế mà bị cáo chiếm đoạt nhưng đại diện Viện kiểm sát vẫn xác định số tiền chiếm đoạt như Cáo trạng là không phù hợp, không đúng nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc M2 thống nhất với trình bày của bị cáo tại phiên tòa, trước đây tại cơ quan điều tra bà M2 có yêu cầu bị cáo trả lại 161.400.000 đồng, nay xác định số tiền này đã nhập qua số tiền bị cáo chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thu H12 nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị hại Nguyễn Thị Thu H12 thống nhất với trình bày của bà M2 và bị cáo D tại phiên tòa.

Các bị hại Phan Kim T, Nguyễn Thị C1, Phạm Thị Kim T6, Nguyễn Thị T25, Phạm Thị P, Trần Thị Thanh D1, Đào Thị Hồng C3, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Kim H3, Lê Ngọc Á1, Lê Hứa N10, Bùi Thị L2, Trần Thị S1, Huỳnh Hoa Đ1, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thị Kim L12, Trương Hoàng Đ2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Mỹ L7, Nguyễn Ngọc P3, Nguyễn Minh S2 thống nhất với trình bày của bị cáo tại phiên tòa về số tiền chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo phải trả trả số tiền như bị cáo trình bày.

Bị hại Trương Hoàng Đ2, Nguyễn Thị Thu H12 trình bày: Ông Đ2, bà H12 và những người chơi hụi với bị cáo D trong vụ án đều đều là bị hại, những người không có đơn tố giác là vì khi sự việc xảy ra bị cáo đã hứa sẽ bán nhà trả nợ nên ông Đ2, bà H12 và một số người khác không làm đơn tố giác, nhưng bị cáo không thực hiện mà cố tình chiếm đoạt tài sản nên đề nghị bị cáo phải trả tiền chiếm đoạt.

Bị hại Nguyễn Thị L3 trình bày: Tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn, số tiền bị cáo chiếm đoạt bị cáo sử dụng mục đích gì bị cáo không khai.

Bị hại Lê Thị L1 trình bày: Bà L1 được biết bị cáo bị người khác giật nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên về số tiền cụ thể chiếm đoạt của từng bị hại, do trước đây không nhớ cụ thể nên bị cáo và một số bị hại đã thống nhất lại cho phù hợp phù hợp về số tiền chiếm đoạt khi họ tham gia các dây hụi.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: từ năm 2017 đến tháng 10/2019, bị cáo Lê Thị D thực hiện hành vi gian dối trong việc tổ chức các dây hụi, kê khống hụi viên và lấy tên hụi viên chưa hốt hụi để hốt hụi, chiếm đoạt tài sản của bị hại tham gia các dây hụi do Dẫn tổ chức.

Trong số những người tham gia chơi hụi có 34 người có đơn tố giác về hành vi phạm tội của bị cáo với số tiền là 4.365.730.000 đồng, 49 người không có đơn tố giác với số tiền là 4.542.360.000 đồng.

Xét thấy bị cáo đưa ra thông tin không đúng sự thật về các dây hội, kê khống hội viên để chiếm đoạt tài sản thực của người tham gia chơi hội nên mặc dù có 49 người trong quá trình điều tra họ không có đơn tố giác nhưng họ đều có yêu cầu bị cáo phải trả số tiền bị cáo chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử xác định họ là bị hại trong vụ án và buộc bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt. Riêng đối với bị hại Nguyễn Thị Ngọc M2 yêu cầu số tiền 161.400.000 đồng, số tiền này đã nhập qua số tiền bị cáo chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thu H12, bà M2 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo và một số bị hại thống nhất xác định về số tiền cụ thể bị chiếm đoạt nhưng đại diện Viện kiểm sát vẫn xác định số tiền như cáo trạng đã truy tố là không phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xác định số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, tổng cộng là 8.908.090.000 đồng.

Mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, bị cáo là nữ giới, hiện đã cao tuổi; nhiều bị hại trước đây không tố giác hành vi phạm của bị cáo, tại phiên tòa cũng không yêu cầu xử lý hình đối với bị cáo; số tiền bị cáo chiếm đoạt được làm rõ tại phiên tòa thấp hơn quyết định truy tố của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng mức hình phạt thấp thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối kê khống hội viên trong các dây hội, đưa thông tin sai về người hốt hội làm cho hội viên không hiểu thực tế về số người chơi hội, người hốt hội nhằm chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo cho rằng 49 người chơi hội không có đơn tố giác nên họ không phải là bị hại trong vụ án, xét thấy: như phân tích nhận định trên, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối kê khống hội viên, ghi tên nhiều hội viên không có thực trong các dây hội nhằm chiếm đoạt tài sản của hội viên, việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, những người không tố giác là do bị cáo lại hứa trả tiền cho họ và quá trình điều tra họ đều yêu cầu bị cáo trả lại tiền chiếm đoạt, do đó quan điểm của người bào chữa là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo đã đồng ý để Cơ quan

điều tra kê biên một phần tài sản là nhà và quyền sử dụng đất để khắc phục hậu quả; một số bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại nên buộc bị cáo phải trả lại cho các bị hại.

Đối với ông Đỗ Văn H17, bà Lê Thị T22, bà Nguyễn Thị Kim H18 tham gia các dây hụi của Lê Thị D nhưng không được hốt hụi. Ông H17, bà T22 và bà H18 đã nộp đơn khởi kiện dân sự đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã giải quyết bằng các Quyết định công nhận thỏa thuận giữa ông H17, bà T22, bà H18 và Lê Thị D nên không đặt ra xem xét.

Đối với những người có tham gia chơi hụi nhưng đã hốt hụi, một số người chơi hụi nhưng đã mãn hụi từ lâu không nhớ rõ ngày, tháng, năm của các dây hụi và họ không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Căn nhà cấp 4 trên phần đất diện tích 180 m² thuộc một phần thửa đất số 526, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 704 m² tọa lạc tại số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01427 QSDĐ/H ngày 22/4/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn L, tại Văn bản thỏa thuận chia tài sản ngày 09/11/2020 giữa Lê Thị D và ông Nguyễn Văn L (chồng Lê Thị D) đồng ý giao tài sản này để nhằm để khắc phục số tiền Lê Thị D đã chiếm đoạt của các bị hại. Ngày 15/7/2021 Cơ quan điều tra ban hành Lệnh kê biên tài sản đối với tài sản này nên tiếp tục duy trì biện pháp kê biên để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị D 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/4/2021 đến ngày 25/8/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị D phải bồi thường cho các bị hại đối với số tiền chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Lê Ngọc N2 số tiền 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

- Bồi thường cho Phan Kim T số tiền 58.600.000 đồng (năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Phạm Phương N1 số tiền 87.200.000 đồng (tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn H6 Thông số tiền 46.500.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)
- Bồi thường cho Nguyễn Thị C1 số tiền 56.700.000 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Bùi Ngọc P2 số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).
- Bồi thường cho Phạm Thị Kim T6 số tiền 41.200.000 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Thị S số tiền 77.800.000đ (bảy bảy triệu tám trăm ngàn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị T25 số tiền 213.000.000 đồng (hai trăm mười ba triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị L3 số tiền 297.100.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Võ Thị L4 số tiền 41.600.000 đồng (bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Ngọc H2 số tiền 194.300.000 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Bùi Thị L2 (sinh năm 1954) số tiền 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Phạm Thị P số tiền 336.000.000 đồng (ba trăm ba sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho Huỳnh Anh T3 số tiền 71.400.000 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Trần Thị Thanh D1 số tiền 127.680.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Huỳnh Thanh H5 số tiền 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Thu H4 số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thùy T4 số tiền 193.600.000 đồng (một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị H6 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Ngọc Á số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).
- Bồi thường cho Lê Thị L1 số tiền 91.300.000 đồng (chín mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho Đỗ Thị G số tiền 41.600.000 đồng (bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Đào Thị Hồng C số tiền 346.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thái P1 số tiền 37.300.000 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị N4 số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị B1 số tiền 759.200.000 (bảy trăm năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Phạm Đức T2 số tiền 100.800.000 đồng (một trăm triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Kim H3 số tiền 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Ngọc Á1 số tiền 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị N3 số tiền 29.800.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Hữu N5 số tiền 124.500.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Bùi Thị L2 (sinh năm 1977) số tiền 288.300.000 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Trần Thị S1 số tiền 92.250.000 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Hoàng Thị T15 số tiền 13.250.000 đồng (mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Hoàng Thị Thúy T15 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).
- Bồi thường cho Huỳnh Hoa Đ1 số tiền 119.800.000 đồng (một trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị N6 số tiền 47.250.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Bích M3 số tiền 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Trọng N7 số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).
- Bồi thường cho Phạm Văn T23 số tiền 38.800.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Thanh T11 số tiền 47.300.000 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho Lưu Thị Huỳnh M1 số tiền 159.850.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Ngô Thị M4 số tiền 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thanh T24 số tiền 21.500.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Kim Dân s tiền 127.860.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị L9 số tiền 171.000.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị T13 số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Võ Thị Thu T14 số tiền 33.750.000 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Hoàng A số tiền 48.250.000 đồng (bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Võ Thị Mộng T9 số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).
- Bồi thường cho Từ Thị L13 số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Kim P5 số tiền 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Kim L5 số tiền 180.800.000 đồng (một trăm tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Minh P6 số tiền 59.700.000 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Thị Thanh H11 số tiền 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Thu H12 số tiền 568.500.000 đồng (năm trăm sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Danh Thị Kim O số tiền 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng).
- Bồi thường cho Đặng Thị H13 số tiền 104.750.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị N8 số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).
- Bồi thường cho Trương Hoàng Đ2 số tiền 94.000.000 đồng (chín tư triệu đồng).
- Bồi thường cho Phan Thị T17 số tiền 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Thị H14 số tiền 73.200.000 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho Nguyễn Thị Thu T25 số tiền 50.200.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Thị L6 số tiền 222.400.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị M số tiền 211.300.000 đồng (hai trăm mười một triệu ba trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Mỹ L7 số tiền 46.600.000 đồng (bốn sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 62.400.000 đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Ngọc P3 số tiền 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Thu H7 số tiền 85.500.000 đồng (tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Phan Thị Phúc H8 số tiền 100.800.000 đồng (một trăm triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị L10 số tiền 500.200.000 đồng (năm trăm triệu hai trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Huỳnh Kim P4 số tiền 86.350.000 đồng (tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).
- Bồi thường cho Lê Thị Hoàng V1 số tiền 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Lệ T7 số tiền 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Đ số tiền 100.800.000 đồng (một trăm triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc B2 số tiền 32.800.000đ (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Ngõ Ngọc Huyền T8 số tiền 65.600.000 đồng (sáu mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Minh S2 số tiền 143.600.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Trương Thị H9 số tiền 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc H10 số tiền 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Bồi thường cho Nguyễn Thị H19 Lý số tiền 64.250.000 đồng (sáu mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 08/VPCQCSĐT ngày 15/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất diện tích 180 m² thuộc một phần thửa đất số 526, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 704 m² tọa lạc tại số A, đường Đ, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01427 QSDĐ/H ngày 22/4/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn L để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thị D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 116.908.090 (một trăm mười sáu triệu chín trăm lẻ tám nghìn không trăm chín mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại (83);
- Người bào chữa (1);
- Người tham gia tố tụng khác (20);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (3);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, HTV 120.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ

